

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/DS-PT

Ngày 15/5/2024

“*Tranh chấp hợp đồng thi công cải tạo đất*”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

Ông Hồ Văn Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Thăng Bằng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng thi công cải tạo đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 381/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Bị đơn:** 1. Ông Trương Hoàng L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Linh P, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2023 (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/4/2023 ông D và ông L ký hợp đồng kinh tế với nội dung, ông D thi công phần đất ao cho ông L với điều kiện đủ độ sâu và chiều dài từ phía bờ lộ vào đủ 30m hết phần đất. Thời hạn thi công ngày 18/4/2023 hoàn thiện, giá trị hợp đồng là 360.000.000 đồng, hợp đồng có chữ ký ông L. Tuy nhiên, sau khi thi công được 25m thì phía Công an và địa chính xã T ngăn chặn vì lý do đất ông L chưa được lên thổ cư nên không được tiến hành lấp nền, nên ông cam kết với Công an và địa chính không tiếp tục thi công nữa. Nay yêu cầu ông L thanh toán số tiền đã thi công 25m số tiền 306.000.000 đồng trừ tiền đã thanh toán trước 130.000.000 đồng và tiền đầu 50.000.000 đồng, yêu cầu ông L thanh toán số tiền còn lại 126.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N1 yêu cầu bổ sung có nội dung: do thời điểm khởi kiện nguyên đơn tính nhầm, nay nguyên đơn yêu cầu 25m đã thi công quy ra giá trị 300.000.000 đồng trừ số tiền nguyên đơn đã nhận 130.000.000 đồng và tiền đầu 52.620.000 đồng, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 117.380.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bổ sung tính lãi chậm thanh toán số tiền 9.799.000 đồng ($117.380.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng}$) và yêu cầu tiền máy ủi, máy cuốc neo đậu đợi bị đơn xử lý thủ tục, tiền thuê nhân công 2.000.000 đồng/ngày $\times 15 \text{ ngày} = 30.000.000 \text{ đồng}$.

Tại đơn phản tố đề ngày 10/5/2023 của bị đơn ông Trương Hoàng L và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 09/4/2023 ông L và ông D có ký hợp đồng kinh tế thi công, cải tạo đất cho ông L với giá thỏa thuận là 35.000 đồng/m³ đất, thời gian thi công hoàn thiện là ngày 18/4/2023, tổng giá trị hợp đồng 360.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng ông D đã thi công, cải tạo đất cho ông L được khoảng 4.200m³ đất $\times 35.000 \text{ đồng/m}^3 = 147.000.000 \text{ đồng}$. Trong khi đó ông D đã ứng tiền của ông L nhiều lần cụ thể: Tiền mặt ứng 02 lần 130.000.000 đồng, tiền đổ dầu cho xe cuốc của ông D là 52.620.000 đồng. Tổng số tiền ông D đã ứng là 182.620.000 đồng. Hiện tại hợp đồng đã hết thời hạn thi công, nhưng ông D vẫn chưa hoàn thành công việc đã thỏa thuận. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết khẩn trừ số tiền đã cho ông D ứng với phần ông D đã thi công cải tạo đất 182.620.000 đồng - 147.000.000 đồng = 35.620.000 đồng. Ông D có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 35.620.000 đồng, đồng thời yêu cầu hủy bỏ hợp đồng kinh tế ngày 09/4/2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, đồng ý tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền 19.780.000 đồng. Không đồng ý trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Nguyễn Thị Linh P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D. Buộc bị đơn ông Trương Hoàng L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D số tiền 23.615.480 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 93.764.520 đồng và nghĩa vụ liên đới của bà Nguyễn Thị Linh P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố mà bị đơn ông Trương Hoàng L đã rút về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 35.620.000 đồng, yêu cầu hủy bỏ hợp đồng kinh tế ngày 09/4/2023.”

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2023, ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Văn D sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo “Hợp đồng kinh tế (V/v Thi công cải tạo phần đất tại T)” ngày 09/4/2023 và lời trình bày của các đương sự thể hiện ông Trương Hoàng L và ông Nguyễn Văn D thỏa thuận thi công cải tạo đất bằng hình thức đào đất lấp đất ruộng thành đất nền tại xã T, huyện T, diện tích san lấp thỏa thuận là: Chiều ngang 30m (tính từ mí lộ đāl đo vào), chiều dài hết đất (tính từ giáp kênh thủy lợi đến giáp vườn chanh) và chiều cao 1,2m, tổng giá trị hợp đồng là 360.000.000 đồng, thời hạn kết thúc ngày 18/4/2023. Các bên đã tiến hành thực hiện hợp đồng, trong lúc thi công thì bị Ủy ban nhân dân xã T biên bản không cho thi công, nên ông D đã ngừng thi công từ đó đến nay.

[2] Tại biên bản thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 27/7/2023 xác định vị trí đất cải tạo thuộc các thửa 944, 943, 942, 961, 960, 959, 953, 952, 954 và 939, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có tổng chiều

dài cạnh giáp lộ đāl là 255,7m và tổng chiều dài cạnh giáp thửa 536, 945 là 235m, tính chiều dài trung bình của thửa đất là $255,7m + 235m \div 2 = 245,35m$.

[3] Theo nội dung hợp đồng và sự thỏa thuận của các bên chỉ nêu: Diện tích san lấp là chiều ngang 30m (tính từ mí lộ đāl đo vào), chiều dài hết đất (tính từ tính từ giáp kênh thủy lợi đến giáp vườn chanh) và chiều cao 1,2m, tổng giá trị hợp đồng là 360.000.000 đồng, không ghi cụ thể khối lượng đất phải san lấp bao nhiêu mét khối và đơn giá thi công mỗi mét khối đất là bao nhiêu tiền. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên mà xác định đơn giá thi công mỗi mét khối đất là: Chiều dài 245,35m x chiều ngang 30m x chiều cao 1,2m = $8.832,6m^3$ = giá trị 360.000.000 đồng, như vậy mỗi mét khối thi công có giá 40.758 đồng là phù hợp. Công ty C thực hiện khảo sát, tính toán khối lượng đất ông D đã thi công, theo biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng lập ngày 13/3/2024 có sự chứng kiến, chỉ ranh và xác định cao độ của ông D và ông L, thì xác định được khối lượng đất phía ông D đã thi công như sau: Phần diện tích san lấp bờ bao là $340,6m^3$, phần diện tích san lấp mặt ruộng tại các thửa đất 944, 943, 942, 961, 960, 959, 953, 952, 954 và 939 là $5.174,1m^3$, tổng cộng khối lượng đất đã thi công là $5.514,7m^3$. Thời gian ông D ngừng thi công đến khi Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiến hành thẩm định là khoảng 01 năm, nên khối lượng đất san lấp đã đầm chặt và sạt lở, do vậy ông D yêu cầu xem xét phần khối lượng bị hao hụt này là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ X về ban hành định mức xây dựng, phụ lục kèm theo thông tư tại Bảng 2.1 về bảng hệ số chuyển đổi từ đất đào sang đất lấp, xác định hệ số đầm nén $K = 1,13\%$ để xác định khối lượng đất đầm chặt là $5.514,7m^3 \times 1,13\% = 62,3m^3$. Như vậy, số tiền công của ông D đối với khối lượng đất đã thi công nêu trên là $5.577m^3 \times 40.758 \text{ đồng}/m^3 = 227.308.000$ đồng. Sau khi trừ số tiền ông L đã thanh toán cho ông D tổng cộng 182.620.000 đồng (gồm tiền ứng trước 130.000.000 đồng và tiền dẫu 52.620.000 đồng), ông L còn phải tiếp tục thanh toán cho ông D số tiền còn nợ là 44.688.000 đồng.

[4] Do vậy cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là sửa Bản án sơ thẩm.

[5] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Chi phí trưng cầu đo đạc, xác định lại khối lượng đất đã thi công là 20.990.000 đồng, ông Trương Hoàng L phải chịu, vì ông D đã tạm ứng trước chi phí tố tụng nên ông L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho ông D

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, sửa bản án sơ thẩm 77/2023/DS-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D đối với bị đơn ông Trương Hoàng L về “Tranh chấp hợp đồng thi công cải tạo đất”:

Buộc ông Trương Hoàng L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn D tiền thi công san lấp đất còn nợ là 44.688.000 đồng (bốn mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố mà bị đơn ông Trương Hoàng L đã rút về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 35.620.000 đồng, yêu cầu hủy bỏ hợp đồng kinh tế ngày 09/4/2023.

3. Về chi phí tố tụng:

Tại cấp sơ thẩm: Chi phí thẩm định 1.050.000 đồng, buộc ông Nguyễn Văn D và ông Trương Hoàng L mỗi người phải chịu 525.000 đồng, do ông D đã nộp tạm ứng trước, nên ông L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho ông D. Ông L được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí còn thừa 950.000 đồng theo phiếu thu của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị.

Tại cấp phúc thẩm: Chi phí trưng cầu đo đạc, thẩm định lại khối lượng đất là 20.990.000 đồng, ông Trương Hoàng L phải chịu, do ông D đã tạm ứng trước chi phí nên ông L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho ông D.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí số tiền 4.065.600 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008114 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, buộc ông D còn tiếp tục nộp số tiền 3.765.600 đồng.

Buộc bị đơn ông Trương Hoàng L phải chịu án phí số tiền 2.234.400 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 890.500 đồng theo biên lai thu số 0008137 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, buộc ông L còn tiếp tục nộp số tiền 1.343.900 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008258 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án

Dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND huyện Thạnh Trị;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phạm Quang N2

